

Số: 14/BC-BHG

Gia Lai, ngày 09 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900188843
- Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 89.356.430.000 đồng
- Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3845567
- Số fax: 0269 3842106
- Website: bienhotea.com.vn
- Mã cổ phiếu: BHG

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần chè Biển Hồ được cổ phần từ công ty TNHH MTV chè Biển Hồ ngày 11/9/2018.

Ngày 13/9/2018, Công ty cổ phần chè Biển Hồ đã được đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động.

Ngày 30/10/2018, là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu Công ty cổ phần chè Biển Hồ trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch 3.856.665 cổ phiếu (cổ phiếu trúng đấu giá), giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 38.566.650.000 đồng.

Ngày 24/6/2019 Sở Giao dịch chứng khoán chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty cổ phần chè Biển Hồ, số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung: 5.078.978 cổ phiếu., giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung: 50.789.780.000 đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 8.935.643 cổ phiếu.

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký là: 89.356.430.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu	8299
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	
-Trồng cây cà phê	0126
-Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
-Trồng cây chè	0127
-Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu – Chi tiết: Chế biến chè, cà phê	1079
-Buôn bán thực phẩm	4632
Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê	

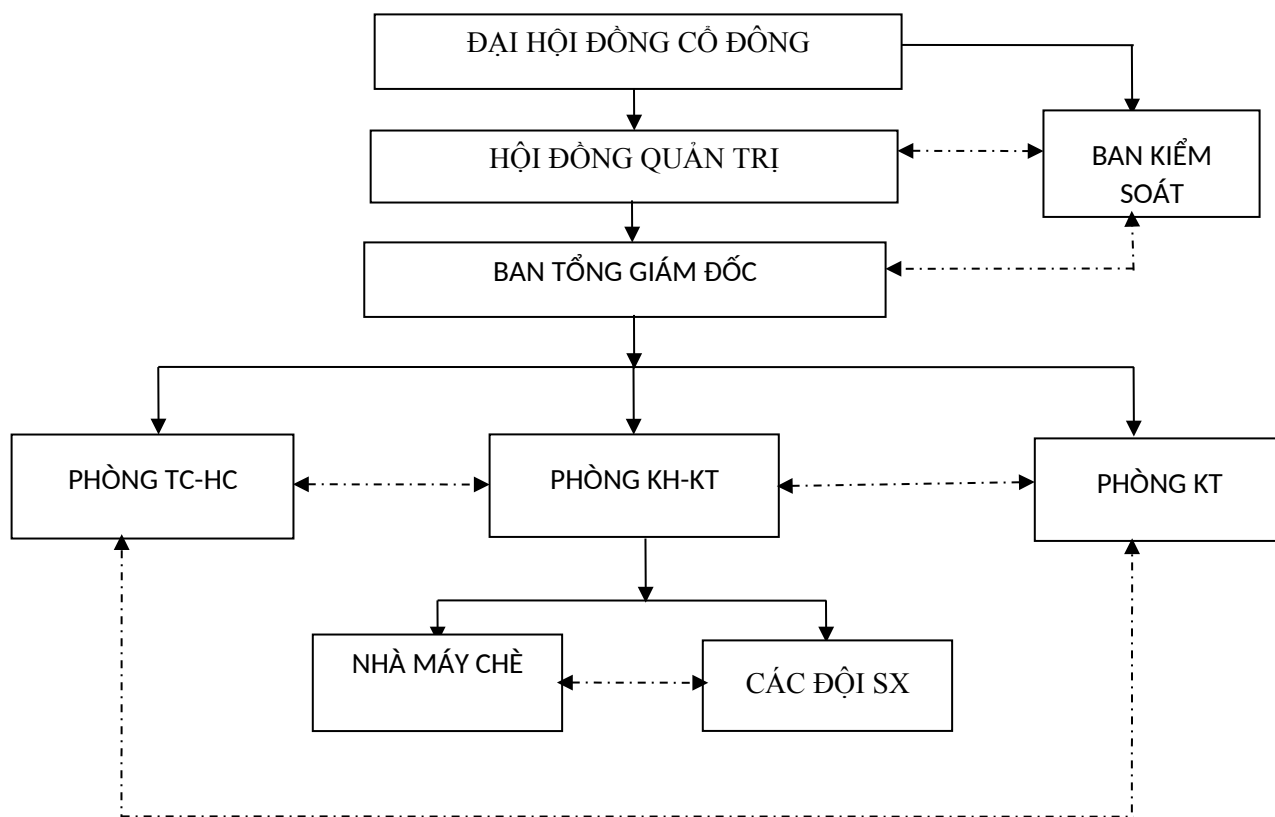
- Địa bàn kinh doanh: Miền Trung, miền Nam và xuất khẩu sang các nước Trung Đông

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Hoạt động theo mô hình quản trị tại điểm a, khoản 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Tổng giám đốc.

**Cơ cấu bộ máy quản lý:



Ghi chú:

- Quan hệ trực tuyến: —————→ Quan hệ phối hợp: ←-----→

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển:

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều lĩnh vực nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phát triển Dự án Hệ du lịch sinh thái (từ cánh đồng đến nhà máy đến cung cấp các dịch vụ nghỉ dưỡng tại khu vực Chè Biển Hồ) để đem đến cho Công ty Cổ Phần Chè Biển Hồ một môi trường kinh doanh và phát triển mới.

Tiếp tục duy trì sản xuất chế biến sản phẩm chè truyền thống. Chủ động nghiên cứu, phát triển các sản phẩm chè mới chất lượng cao, phù hợp với thị hiếu và đáp ứng những thay đổi về nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Quy hoạch vùng nguyên liệu chè San tuyết hữu cơ, sạch từ ngoài đồng về nhà máy nhằm đảm bảo quy trình ATVSTP của chè cao cấp.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính, chương trình mục tiêu liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

+ Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Tiếp tục áp dụng các hệ thống ISO 14001, 22000 về an toàn thực phẩm và môi trường, mô hình cà phê 4C, xây dựng mô hình nông sản sạch, sử dụng các sản phẩm sinh học để chăm sóc và bảo vệ cây trồng nhằm bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Tiếp tục thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người dân trên địa bàn công ty đứng chân. Tăng cường sự đồng thuận trong hợp tác giữa công ty với hộ nhận khoán vườn cây, giải quyết tốt các tranh chấp liên quan đến đất đai, cây trồng, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Tích cực đảm bảo công tác an sinh xã hội, tham gia ủng hộ, đóng góp và hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội...

+ Tăng cường mối quan hệ với chính quyền địa phương trong việc đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nơi công ty đứng chân.

5. Các rủi ro:

Là đơn vị sản xuất nông nghiệp nên thời tiết, giá cả thị trường ảnh hưởng lớn đến chi phí và doanh thu.

Sản phẩm của công ty chủ yếu sơ chế, xuất thô nên khó cạnh tranh được với các nhà sản xuất khác và thị trường tiêu thụ nội địa kém.

Bên cạnh đó, xung đột, chiến tranh giữa các nước ảnh hưởng lớn đến việc xuất khẩu; giá cả nguyên vật liệu dùng trong sản xuất tăng cao, chi phí vận chuyển tăng, ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

• *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	105	108,260	103,1
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,200	1,230	102,5
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,960	1,225	127,6
4	Tỷ suất LNST/VĐL	%	1,07	1,37	128,0

2. *Tổ chức và nhân Sự:*

- Danh sách Ban điều hành:

* Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Họ và tên: Trịnh Quang Hưng

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/5/1960

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hà Ngọc, Hà Trung, Thanh Hóa

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 1984-1998	Cán bộ kinh doanh	Nông trường Đồng Giao, TX Tam Điệp, Ninh Bình
Năm 1999-2010	Giám đốc	Công ty TNHH Tiến Hưng
Năm 2011-2018	Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cảng đạm Ninh Bình
Hiện nay	Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cảng đạm Ninh Bình Công ty Cổ phần chè Biển Hồ Công ty cổ phần cà phê Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 1.237.398 cổ phần, chiếm 13,85% tổng số cổ phần của Công ty.

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân: 1.237.398 cổ phần

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

+ Con ruột:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần
Trịnh Quang Vinh	Đông Thành, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình				715.342

*** Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.**

Họ và tên: Trịnh Đình Trường

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/02/1975

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Yên Thịnh – Yên Định – Thanh Hóa

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 1996-2008	Chuyên viên	Công ty CP Thạch cao xi măng, CN Bim Sơn
Năm 2009-2010	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Bình Minh, Thanh Hóa
Năm 2011-2016	Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cảng đạm Ninh Bình
Năm 2017-2018	Chủ tịch HĐQT	Trường THCS và THPT CLC Khai Minh, Q Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
Hiện nay	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	Trường THCS và THPT CLC Khai Minh, Q Tân Phú, TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai Công ty cổ phần chè Biên Hồ

Số cổ phần nắm giữ: 1.381.932 cổ phần, chiếm 15,47 % tổng số cổ phần của Công ty

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 1.381.932 cổ phần

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

Vợ:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần
Lê Thị Thanh Tỉnh	P Đông Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hóa				600.000

*** Ủy viên Hội đồng Quản trị:**

Họ và tên: Phạm Văn Cường

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/01/1971

Nơi sinh: Quảng Trị

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hải Thượng – Hải Lăng – Quảng Trị

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 1988-2000	Nhân viên Kinh doanh	Cty KD thạch cao Xi măng
Năm 2001-2005	Chuyên viên	Phòng Thị trường tiêu thụ và phòng KHĐT xây dựng Cty Thạch cao Xi măng
Năm 2006-2009	Phụ trách	Cty CP Vincem Thạch cao Xi măng- CN Đà Nẵng
Năm 2010-2011	Phó phòng	Kế hoạch Cty Vincem Thạch cao xi măng
Năm 2010-2018	Phụ trách thị trường điều độ hàng hóa	Chi nhánh quảng trị, Cty CP vincem Thạch cao – Xi măng
Hiện nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần chè Biên Hồ Công ty CP cà phê Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần,

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

*** Ủy viên Hội đồng Quản trị:**

Họ và tên: Phùng Ngọc Kim

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/8/1974

Quốc tịch: Việt Nam

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
2/1992-1999	Trung úy	H29 BTL Công binh (Lữ 229)
1999-2001	Nhân viên	Ban quản lý dự án Thủy điện IaLy
2001-2004	Nhân viên	Văn phòng Huyện ủy Chư Păh
2004-2015	Nhân viên	Nhà máy Thủy điện Sê San 4
2015-2020	Chủ doanh nghiệp	Doanh nghiệp Kim Hùng – Gia Lai
2021- nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	Công ty cổ phần Đầu tư Legend Highland

-Số cổ phần đại diện: 2.145.000 cổ phần, (Ông Phùng Ngọc Kim là đại diện pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư Legend Highland)

-Sở hữu cá nhân: Không

-Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

*** Ủy viên Hội đồng Quản trị:**

Họ và tên: Trịnh Quang Vinh

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/ 07/1994

Quốc tịch: Việt Nam

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
9/2019- nay	Giám đốc	Công ty TNHH và Thương Mai dịch vụ Đại Dương Việt

05/2020- nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần chè Biên Hồ Công ty cổ phần cà phê Gia Lai
--------------	-----------------	---

Số cổ phần nắm giữ: 715.342 cổ phần,
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

Bổ đề:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần
Trịnh Quang Hưng	Đông Thành, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình				1.237.398

***Phó Tổng Giám đốc:**

Họ và tên: Nguyễn Công Tiến (*Bổ nhiệm ngày 05/01/2024*)

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/10/1966.

Nơi sinh : Xã Đại Sơn – Đô Lương – Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú: Thôn 11, Xã EaTiêu, Huyện Cư Kuin, Đắk Lắk.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần,

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

*** Kế toán trưởng**

Bà: Nguyễn Thị Thanh Tùng (*Miễn nhiệm ngày 14/03/2024*)

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/12/1983

Nơi sinh: Thôn Tập An Bắc, xã phỏ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
2006-1/2009	Kế toán	Công ty TNHH Vĩnh Hòa – Quảng Ngãi
2/2009-9/2010	Kế toán	Ủy ban nhân dân xã Phỏ Nhơn – Quảng Ngãi

10/2010-2/2014	Chuyên viên phòng QLNS	Sở Tài chính Gia Lai
3/2014-8/2018	Kế toán	Công ty TNHH MTV cà phê Gia Lai
9/2018-15/8/2019	PP Kế toán	Công ty cổ phần cà phê Gia Lai
16/8/2019-Nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần chè Biển Hồ

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần,

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

*** Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Văn Hương (*Bổ nhiệm ngày 14/03/2024*)

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/05/1966

Nơi sinh: Minh Đức – Tứ Kỳ- Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
02/1990 – 11/1997	Kế toán Tổng hợp	Xí nghiệp N-C-N chè Biển Hồ
12/1997-02/2002	Kế toán Tổng hợp	Công ty cà phê tỉnh Gia Lai
03/2002-11/2006	Kế toán trưởng	Công ty cà phê tỉnh Gia Lai
12/2006-9/2019	Kế toán trưởng	Công ty chè Biển Hồ
3/2024 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần chè Biển Hồ

Số cổ phần nắm giữ: 3.630 cổ phần,

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ **Đối với Hội đồng quản trị:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đã thông qua việc miễn nhiệm các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, bầu lại Thành viên HĐQT 2023-2028 với 05 thành viên gồm :

1. Ông Trịnh Quang Hưng – Chủ tịch HĐQT

2. Ông Trịnh Đình Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Văn Cường – Thành viên HĐQT
4. Ông Phùng Ngọc Kim – Thành viên HĐQT
5. Ông Trịnh Quang Vinh – Thành viên HĐQT

+ **Đổi với Ban kiểm soát:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, bầu lại Thành viên Ban kiểm soát 2023-2028 với 03 thành viên gồm :

1. Ông Trần Đông Hưng – Trưởng ban kiểm soát
2. Bà Nguyễn Thị Trà Giang – Thành viên
3. Bà Lê Thị Vinh – Thành viên.

+ **Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:**

Ngày 28/4/2023, bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Trịnh Đình Trường

Ngày 05/01/2024, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Công Tiến.

Ngày 14/03/2024, miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Thanh Tùng và bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hương giữ chức vụ Kế toán trưởng.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** 70 người.

Trong đó: + Cán bộ quản lý, Nhân viên gián tiếp: 30 người

+ Công nhân trực tiếp: 40 người

* **Chính sách đối với lao động:**

- Về tiền lương, các chế độ: Công ty trả lương và thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động tại công ty. Đóng BHXH, BHYT, BHTN, TBNLD-BNN đầy đủ và kịp thời cho NLD Công ty.

- Về công tác bảo hộ lao động: Hàng năm công ty cấp phát đồ bảo hộ cho công nhân theo đặc thù công việc từng bộ phận, đảm bảo công tác an toàn và phòng hộ cho người lao động.

- Tiến hành cải tiến máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, góp phần giảm thiểu sức lao động cho công nhân, tạo môi trường làm việc thông thoáng và sạch sẽ hơn.

- Về đời sống cán bộ công nhân viên: Công ty cổ phần mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh mới đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho công nhân và lực lượng lao động tại địa phương. Ngoài ra công ty còn quan tâm đến đời sống của cán bộ, người lao động, xây dựng bếp ăn, hỗ trợ tiền ăn cho người lao động xa nhà, tổ chức các hoạt động ngày 8/3, 20/11, tổ chức cho cán bộ nhân viên tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, tham gia đóng góp các quỹ xã hội từ thiện tại địa phương....,

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	165.035.737.352	165.553.209.547	0,31%
Doanh thu thuần	93.376.805.627	108.260.684.557	15,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	689.672.313	2.631.131.218	281,50%
Lợi nhuận khác	(148.874.582)	(1.401.006.741)	841,07%
Lợi nhuận trước thuế	540.797.731	1.230.124.477	127,46%
Lợi nhuận sau thuế	540.797.731	1.225.140.495	126,54%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	61	137	124,59%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Lần	Năm 2022	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,293	0,99
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	Lần	1,002	0,84
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/tổng tài sản	%	43,596	44
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	80,518	83,08
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,048	8,96
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần /tổng tài sản	Lần	0,566	0,64
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,579	1,13

+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,605	1,37
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,328	0,37
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,739	2,43

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 8.935.643 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần tự do chuyên nhượng: 8.932.443 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyên nhượng: 3.200 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông trong nước	365	8.935.643	100
Cá nhân	363	4.690.643	52
Tổ chức	2	4.245.000	48
2. Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ	365	8.935.643	100
Cổ đông lớn	6	8.179.672	92%
Cổ đông nhỏ	359	755.971	8%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 8.935.643 cổ phiếu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động đến môi trường:

Trong quá trình chăm sóc cây trồng gây một số tác động đến môi trường thông qua việc sử dụng các sản phẩm nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Công ty đã hạn chế mức thấp nhất tác động đến môi trường bằng việc sử dụng các chế phẩm sinh học không gây ảnh hưởng đến môi trường.

Quá trình sản xuất chế biến không sử dụng phụ gia và hóa chất vì vậy không tác động đến môi trường.

Quy hoạch vùng trồng sản phẩm chè hữu cơ, áp dụng và duy trì quy trình sản xuất nông nghiệp sạch để có được các sản phẩm hữu cơ đảm bảo đủ tiêu chí xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu cao về sản phẩm.

6.2. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

Công ty đang áp dụng 3 hệ thống ISO 9001:2015 về quản lý chất lượng, ISO 14000 về môi trường, ISO 22000 về an toàn thực phẩm và hệ thống cà phê 4C. Vì vậy nguồn nguyên liệu đầu vào là chè, cà phê của công ty được quản lý từ khâu chăm sóc, thu hái đến chế biến theo đúng quy trình để đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và hạn chế ít nhất ảnh hưởng, tác động đến môi trường, môi sinh. Công ty đang ngày càng hướng đến sản phẩm sạch, thân thiện môi trường bằng cách sử dụng các sản phẩm sinh học để thay thế dần các loại thuốc trừ sâu bệnh hóa học gây ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm và môi trường. Đối với các bao bì phân bón, thuốc sâu bệnh công ty thu gom tập trung và ký hợp đồng với đơn vị đủ năng lực xử lý chất thải nguy hại vận chuyển và xử lý hàng năm.

6.3. *Tiêu thụ năng lượng:* Năng lượng chủ yếu dùng trong sản xuất và chế biến là củi đốt và điện

6.4. *Tiêu thụ nước:* Do quy trình sản xuất chè không dùng nước trong chế biến mà chỉ dùng nước để rửa máy móc thiết bị chế biến và sinh hoạt nên lượng nước dùng không đáng kể. Nước được lấy từ giếng khoan đã được cấp phép khai thác sử dụng.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động:*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 71 người

- Mức thu nhập bình quân: 7.900.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động của công ty.

- Trang cấp trang bị bảo hộ lao động theo ngành nghề cho công nhân nhà máy chế biến.

- Tổ chức tập huấn quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, quy định an toàn về điện cho người lao động.

- Thực hiện công tác kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại đơn vị hàng quý.

- Đảm bảo các chế độ phụ cấp độc hại, ăn ca, trực đêm cho người lao động...

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Người lao động trực tiếp được tập huấn kỹ thuật chế biến chè khi vào làm tại nhà máy.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn ủng hộ hỗ trợ các hoạt động tại địa phương, tặng quà tết bằng hiện vật cho các hộ người đồng bào dân tộc thiểu số nhận khoán vườn cây của công ty, hỗ trợ tiền cho địa phương lắp camera đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn công ty đứng chân...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :

• **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	89,356
2	Doanh thu	Tỷ đồng	108,260
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,230
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,225
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ	%	137

Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới, diễn biến phức tạp về chính trị tại các nước Trung Đông (Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Công ty) dẫn đến tiến độ xuất hàng, tiêu thụ hàng hóa có thời điểm bị ngưng trệ.

Một số diện tích vườn cây Chè có năng suất chất lượng thấp, già cỗi, quá lâu năm và kéo dài chưa được chuyển đổi cũng phần nào gây lãng phí về giá trị kinh tế trên diện tích đất.

Một số Hộ nhận khoán còn tình trạng đê Chè quá lúa, nuôi cao hái sâu, công tác phòng trừ sâu bệnh chưa đồng bộ, tình trạng các Hộ phun thuốc ngoài danh mục vẫn còn làm ảnh hưởng môi trường, đất đai, sức khỏe Người lao động.

Trong công tác quản lý vẫn còn một số tồn tại, hạn chế; nhất là trong lĩnh vực bơm tưới, quản lý vườn cây.

Công tác quản lý kiểm tra việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015; ISO 14001 và ISO 22000 đã có nhiều tiến bộ nhưng chưa chặt chẽ, vẫn còn tình trạng mang tính hình thức.

2. **Tình hình tài chính:**

a) Tình hình tài sản:

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	72.265.154.945	90.148.293.558
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.998.724.575	2.199.789.806

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	57.162.507.532	67.445.901.416
IV. Hàng tồn kho	10.856.451.882	20.276.355.233
V. Tài sản ngắn hạn khác	247.470.956	226.247.103
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	96.288.054.602	74.887.443.794

b) Tình hình nợ phải trả:

C. NỢ PHẢI TRẢ	Số Cuối kỳ	Số Đầu kỳ
I. Nợ ngắn hạn	72.935.524.819	69.716.252.254
1. Phải trả người bán ngắn hạn	2.824.295.754	4.182.617.830
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	40.530.900	400.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.015.542.176	1.448.164.389
4. Phải trả người lao động	788.282.313	943.520.423
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	1.956.439.452	1.969.590.117
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	64.502.886.175	59.964.811.446
II. Nợ dài hạn	1.305.127.359	2.232.068.224
TỔNG CỘNG	74.240.652.178	71.948.320.478

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Thực hiện điều tiết, cơ cấu lại các bộ phận sản xuất tại nhà máy, các phòng ban nhằm sắp xếp hợp lý đội ngũ lao động, đảm bảo đúng người, đúng việc để đạt hiệu quả cao nhất trong công việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Tiếp tục phát triển ngành nghề mũi nhọn, đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ để nâng cao tính cạnh tranh, nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, tiến tới xuất khẩu sang thị trường khó tính khác. Mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, tiến tới phát triển đa ngành, tận dụng tối đa những lợi thế hiện có để phát triển. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường quảng bá thương hiệu đến gần hơn với người tiêu dùng. Tăng cường mối quan hệ hợp tác phát triển sản phẩm với các đối tác sản xuất chèn có kinh nghiệm.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Về ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính đối với khoản “Phải thu về cho vay” đây là khoản phát sinh từ năm 2019,2020 là khoản tiền ứng trước tiền hàng và trả trước cho người bán nhưng không thực hiện được nên chuyển sang cho vay ngắn hạn và dài hạn.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty đã áp dụng các hệ thống ISO về môi trường, thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 6 tháng một lần, ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Xây dựng vùng nông nghiệp hữu cơ và dần chuyển qua áp dụng và duy trì quy trình sản xuất nông nghiệp sạch hữu cơ.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện quan trắc môi trường, đo đạc các yếu tố môi trường lao động để kịp thời điều chỉnh, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, thực hiện chi trả phụ cấp độc hại cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Hỗ trợ địa phương trong công tác thu gom, xử lý chất thải nguy hại, ủng hộ các quỹ tại địa phương, làm mới sửa chữa đường nông thôn..

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

• Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2023, cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt kế hoạch đầu năm. Riêng đối với công tác môi trường và xã hội vẫn được Công ty lập kế hoạch để đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho các công tác này.

*** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Hội đồng Quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty. Tuy là một năm gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của thị trường thế giới, biến động của giá cả, thiên tai nhưng Ban Giám đốc vẫn cố gắng đề ra các biện pháp hiệu quả để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quản lý vận hành tốt bộ máy, đảm bảo việc làm thu nhập cho người lao động, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, củng cố lòng tin của cổ đông, đối tác khách hàng.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tuy tình hình kinh tế thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp, dự báo ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty. Nhưng Hội đồng quản trị cố gắng khắc phục những khó khăn, tập trung sản xuất; đưa ra các định hướng, kế hoạch phát triển chung để Ban Tổng Giám đốc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của HĐQT.

Cải tiến kỹ thuật, máy móc thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất cây trồng và mẫu mã chất lượng sản phẩm. Tiến hành thử nghiệm và đưa vào sản xuất sản phẩm chè chất lượng cao. Tiếp tục duy trì phát triển sản phẩm chè

truyền thông. Đẩy mạnh công tác marketing, quảng bá sản phẩm đến gần hơn với người tiêu dùng.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, hỗ trợ Ban Giám đốc ra quyết định sản xuất hàng ngày.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ %
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.237.398	13,85
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT	1.381.932	15,47
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	0	0
4	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT	0	0
5	Trịnh Quan Vinh	Thành viên HĐQT	715.342	8,0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT đã tiến hành các cuộc họp với các nội dung sau đây

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT-BHG	15/02/2023	NQ về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023
02	02/NQ-HĐQT-BHG	20/04/2023	NQ về việc thông qua giao dịch với người nội bộ, người có liên
03	03/NQ-ĐHĐCĐ2023-BHG	28/04/2023	NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
04	04/NQ-HĐQT-BHG	28/04/2023	NQ về việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty CP chè Biển Hồ nhiệm kỳ 2023-2028
05	05/NQ-HĐQT-BHG	28/04/2023	NQ về việc bầu TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, NPTQT, TK HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028
06	04b/NQ-HĐQT-HĐQT	15/06/2023	NQ thông qua việc vay vốn của người nội bộ

07	06/NQ-HĐQT-BHG	07/08/2023	NQ V/V bổ nhiệm cố vấn HĐQT
08	07/NQ-HĐQT-BHG	08/08/2023	NQ Thông qua giao dịch với người có liên quan của NNB
09	08/NQ-HĐQT-BHG	11/08/2023	NQ HĐQT thông qua vay vốn ngân hàng
10	09/NQ-HĐQT-BHG	22/08/2023	NQ thành lập VP Đại diện Tại TP HCM
11	10/NQ-HĐQT-BHG	10/11/2023	NQ ban hành Quy chế công bố thông tin

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Chuyên môn
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	Kỹ thuật xây dựng
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế- QTKD
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	Cử nhân Luật
4	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT	
5	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Số cp sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Đông Hưng	Trưởng BKS	0	0
2	Nguyễn Thị Trà Giang	TV BKS	700	
1	Lê Thị Vinh	TV BKS	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của mình:

+ Giám sát việc tuân thủ các quy định hợp pháp của Pháp luật và tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

+ Tham dự các phiên họp của HĐQT Công ty.

+ Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

+ Giám sát các hoạt động công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

+ Xem xét, đánh giá sự phối hợp của các phòng ban Công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh, việc thực hiện quy chế nội bộ nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch và dân chủ trong Công ty.

+ Thẩm tra Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2023.

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
2	Trịnh Đình Trường	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	671.880.000	36.000.000	-	707.880.000
3	Phạm Văn Cường	TV HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Phùng Ngọc Kim	TV HĐQT	-	24.000.000	-	24.000.000
5	Trịnh Văn Công	TV HĐQT	-	12.000.000	-	12.000.000
6	Trịnh Quang Vinh	TV HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát	-	36.000.000	-	36.000.000
8	Lê Thị Vinh	TV Ban kiểm soát	-	24.000.000	-	24.000.000
9	Nguyễn Thị Trà Giang	TV Ban kiểm soát	90.000.000	24.000.000	-	114.000.000
10	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	168.000.000	-	-	168.000.000
	Tổng cộng		929.880.000	288.000.000	-	1.217.880.000

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Gồm các cổ đông sau:
 - Công ty cổ phần Legend Highland;

- Công ty cổ phần Năng lượng Nghĩa Hưng
 - Công ty cổ phần cà phê Gia Lai
 - Ông Trịnh Đình Trường
 - Ông Phạm Văn Cường
 - Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng
 - Ông Trịnh Quang Hưng
- (Chi tiết trên báo cáo tài chính năm 2023)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị: Cơ bản thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

• Ý kiến kiểm toán:

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần chè Biền Hồ tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Như trình bày ở thuyết minh số V.4 “Phải thu về ngắn hạn”, trong năm Công ty có cho Công ty cổ phần cà phê Gia Lai vay tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó số dư khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 42.258.188.000 đồng. Việc cấp tín dụng nêu trên là chưa phù hợp với các quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định cho tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

• Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đã được công bố trên website của công ty tại địa chỉ:
<http://bienhotea.com.vn/quanhecodong/baocaotaichinh>

Nơi nhận:

- SGĐCKHN;
- HĐQT, Các cổ đông công ty;
- Website, Lưu: VT.



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Trịnh Quang Hưng